



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH THI HỌC KỲ HK1 (2022-2023)
BẠC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
1	18ĐHKTO1	010800052301	32		An toàn sân đỗ	2	28/11/2022	7:30	B303	Tự luận
2	21ĐHTĐ01	011100019901	45		Đo lường điện tử	2	28/11/2022	7:30	G304	Trắc nghiệm
3	21ĐHTĐ02	011100019902	39		Đo lường điện tử	2	28/11/2022	7:30	G305	Trắc nghiệm
4	20ĐHQTTTH	010100049601	40		Quản trị kinh doanh quốc tế	2	28/11/2022	7:30	G406	Tự luận
5	20ĐHĐT02	011100001601	23		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	28/11/2022	7:30	G201	Trắc nghiệm
6	20ĐHĐT01	011100001602	60		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	28/11/2022	7:30	G204	Trắc nghiệm
7	20ĐHQTC1	010100025701	60		Cơ sở hạ tầng Cảng HK	2	28/11/2022	9:30	G204	Tự luận
8	20ĐHQTC2	010100025702	61		Cơ sở hạ tầng Cảng HK	2	28/11/2022	9:30	G305	Tự luận
9	19ĐHQTDL	010100055401	65		Quản trị ẩm thực	2	28/11/2022	9:30	G205	Tự luận
10	19ĐHQTC2	010100012802	60		Bảo hiểm hàng không	2	28/11/2022	14:30	G113	Trắc nghiệm
11	19ĐHQTVT1	010100012803	60		Bảo hiểm hàng không	2	28/11/2022	14:30	G204	Trắc nghiệm
12	19ĐHQTVT2	010100012804	59		Bảo hiểm hàng không	2	28/11/2022	14:30	G207	Trắc nghiệm
13	19ĐHQTC1	010100012801	53		Bảo hiểm hàng không	2	28/11/2022	14:30	G407	Trắc nghiệm
14	21CĐCK01	030100053801	30		Động cơ Piston	2	28/11/2022	12:30	G201	Tự luận
15	20CĐAN01	030100026401	27		Hộ tống người và hàng	2	28/11/2022	12:30	D21	Thực hành
16	21ĐHĐT01	011100074701	120		Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	28/11/2022	12:30	G305	Tự luận
17	19ĐHQTTTH1	010100011901	25		Quản trị Marketing	2	28/11/2022	12:30	G301	Tự luận
18	21ĐHNA01	010100074701	45		Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	28/11/2022	12:30	G205	Tự luận
19	21ĐHKTO1	010800069602	60		Cơ học lý thuyết	2	28/11/2022	14:30	G203	Tự luận
20	20ĐHKTO1	010800069603	27		Cơ học lý thuyết	2	28/11/2022	14:30	G201	Tự luận
21	21CĐCK01	030100083201	29		Hệ thống thiết bị điện tử kỹ thuật số	2	28/11/2022	14:30	G202	Trắc nghiệm
22	20CĐAN01	030100026401	26		Hộ tống người và hàng	2	28/11/2022	14:30	D21	Thực hành
23	19ĐHQTTTH1	010100012101	59		Quản trị rủi ro	2	28/11/2022	14:30	G305	Tự luận
24	19ĐHQTTTH2	010100012102	22		Quản trị rủi ro	2	28/11/2022	14:30	G301	Tự luận
25	20ĐHQTDL	010100022301	55		Tổng quan du lịch	2	28/11/2022	14:30	G304	Tự luận
26	20CĐTM03	030100029101	15		Quan hệ khách hàng và văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	7:30	B201	Tự luận
27	20CĐTM02	030100029102	52		Quan hệ khách hàng và văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	7:30	G207	Tự luận
28	20CĐTM01	030100029103	55		Quan hệ khách hàng và văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	7:30	G407	Tự luận

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
29	20ĐHQTC1	010100012301	60		Văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	7:30	G205	Tự luận
30	20ĐHQTVT3	010100012303	60		Văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	7:30	G303	Tự luận
31	20ĐHQTVT2	010100012305	60		Văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	7:30	G305	Tự luận
32	20ĐHQTTTH	010100012306	27		Văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	7:30	G301	Tự luận
33	21CĐCK01	030100066401	28		Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay	3	29/11/2022	7:30	G501	Tự luận
34	20ĐHQTC2	010100012302	28	1-28	Văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	7:30	G202	Tự luận
35	20ĐHQTVT4	010100012304	29	1-30	Văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	7:30	G201	Tự luận
36	20ĐHQTVT1	010100012307	25	1-24	Văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	7:30	G302	Tự luận
37	19ĐHQTVT2	010100013201	60		Marketing hàng không	3	29/11/2022	9:30	G203	Tự luận
38	19ĐHQTVT3	010100013202	35		Marketing hàng không	3	29/11/2022	9:30	G205	Tự luận
39	19ĐHQTVT1	010100013203	37		Marketing hàng không	3	29/11/2022	9:30	G303	Tự luận
40	20ĐHQTC2	010100012302	28	29-55	Văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	9:30	G202	Tự luận
41	20ĐHQTVT4	010100012304	29	31-59	Văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	9:30	G201	Tự luận
42	20ĐHQTVT1	010100012307	24	25-48	Văn hóa doanh nghiệp	3	29/11/2022	9:30	G302	Tự luận
43	21CĐTM01	030100052001	74		Phục vụ hành lý	3	29/11/2022	12:30	G113	Trắc nghiệm
44	21CĐTM02	030100052002	59		Phục vụ hành lý	3	29/11/2022	12:30	G204	Trắc nghiệm
45	19ĐHQTTTH2	010100011902	55		Quản trị Marketing	3	29/11/2022	12:30	G207	Tự luận
46	21ĐHKL01	010800031401	61		Quy tắc bay	3	29/11/2022	12:30	G406	Trắc nghiệm
47	19ĐHQTDL	010100021301	65		Thiết kế điều hành tour	3	29/11/2022	12:30	G205	Tự luận
48	21ĐHTT01	010100051001	46		Kiến trúc máy tính	3	29/11/2022	14:30	G205	Trắc nghiệm
49	21ĐHTT02	010100051002	60		Kiến trúc máy tính	3	29/11/2022	14:30	G204	Trắc nghiệm
50	21ĐHKL01	010800102701	52		Lý thuyết điều khiển tự động cơ bản	3	29/11/2022	14:30	G304	Tự luận
51	21CĐCK01	030100099001	27		Truyền động thủy khí	3	29/11/2022	14:30	B301	Tự luận
52	21ĐHKT01	010800072301	54		Chuyên đề 1	4	30/11/2022	7:30	G203	Tự luận
53	21CĐCK01	030100059901	39		Khí động lực học cơ bản	4	30/11/2022	7:30	B206	Trắc nghiệm
54	20CĐAN01	030100025101	27		Kiểm tra soi chiếu hành lý hàng hóa bằng máy phát hiện chất nổ	4	30/11/2022	7:30	D21	Thực hành
55	19ĐHQTVT1	010100013501	64		Quản lý khai thác mặt đất	4	30/11/2022	7:30	G305	Trắc nghiệm
56	19ĐHQTVT2	010100013503	67		Quản lý khai thác mặt đất	4	30/11/2022	7:30	G204	Trắc nghiệm
57	21ĐHTT01	010100084601	60		Toán rời rạc	4	30/11/2022	7:30	G303	Trắc nghiệm
58	21ĐHTT02	010100084602	46		Toán rời rạc	4	30/11/2022	7:30	G406	Trắc nghiệm
59	20CĐAN01	030100025101	27		Kiểm tra soi chiếu hành lý hàng hóa bằng máy phát hiện chất nổ	4	30/11/2022	9:30	D21	Thực hành
60	21CĐTM01	030100033501	74		Điện văn hàng hóa	4	30/11/2022	12:30	G305	Tự luận
61	21CĐTM02	030100033502	75		Điện văn hàng hóa	4	30/11/2022	12:30	G205	Tự luận
62	21CĐKL01	030100063501	36		Bản đồ hàng không	5	01/12/2022	7:30	E01	Tự luận
63	19ĐHKL01	010800049001	40		Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	5	01/12/2022	7:30	G304	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
64	19ĐHQTC2	010100018501	39		Marketing Cảng hàng không	5	01/12/2022	7:30	G406	Tự luận
65	19ĐHQTC1	010100018502	60		Marketing Cảng hàng không	5	01/12/2022	7:30	G203	Tự luận
66	19ĐHQTTTH1	010100099801	59		Thị trường chứng khoán	5	01/12/2022	7:30	G205	Trắc nghiệm
67	19ĐHQTTTH2	010100099802	20		Thị trường chứng khoán	5	01/12/2022	7:30	G202	Trắc nghiệm
68	20ĐHKTO1	010800065401	71		Động cơ piston	5	01/12/2022	12:30	G207	Tự luận
69	21ĐHKL01	010800033901	51		Hệ thống thông tin, liên lạc HK	5	01/12/2022	12:30	G304	Trắc nghiệm
70	21CĐKL01	030100033901	41		Hệ thống thông tin, liên lạc HK	5	01/12/2022	12:30	G307	Trắc nghiệm
71	20CĐTM01	030100024501	60		Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	6	02/12/2022	7:30	G203	Tự luận
72	20CĐTM02	030100024502	11		Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	6	02/12/2022	7:30	B201	Tự luận
73	20CĐTM03	030100024503	60		Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	6	02/12/2022	7:30	G204	Tự luận
74	19ĐHQTVT3	010100023801	38		Vận tải hàng hóa HK	6	02/12/2022	7:30	G202	Trắc nghiệm
75	19ĐHQTVT1	010100023802	33		Vận tải hàng hóa HK	6	02/12/2022	7:30	G301	Trắc nghiệm
76	19ĐHQTVT2	010100023803	57		Vận tải hàng hóa HK	6	02/12/2022	7:30	G205	Trắc nghiệm
77	21ĐHQTO8	010100024404	62		Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	7:30	G406	Trắc nghiệm
78	QTKDCHK-K10	010100142101	1		Chuyên đề Cơ sở hạ tầng CHK	7	03/12/2022	7:30	G307	Tự luận
79	QTKDCHK2-K9	010100105201	7		Chuyên đề Marketing Cảng HK	7	03/12/2022	7:30	G307	Tự luận
80	21ĐHĐT01	011100040601	43		Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	7:30	G304	Tự luận
81	18ĐHKTO1	010800074001	50		Thực hành bảo dưỡng tàu bay 2	7	03/12/2022	7:30	G113	Trắc nghiệm
82	21ĐHTĐ02	011100024401	55	1-55	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	7:30	G203	Trắc nghiệm
83	21ĐHQTO6	010100024402	55	1-55	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	7:30	G305	Trắc nghiệm
84	21ĐHQTO7	010100024403	55	1-55	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	7:30	G204	Trắc nghiệm
85	21ĐHTT01	010100024405	55	1-55	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	7:30	G205	Trắc nghiệm
86	21ĐHĐT02	011100040602	26	1-26	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	7:30	G302	Tự luận
87	QTKDCHK-K10	010100098001	1		Chuyên đề Quản trị thiết bị cảng hàng không	7	03/12/2022	9:30	G201	Tự luận
88	18ĐHKL01	010800098201	2		Chuyên đề Toán ứng dụng	7	03/12/2022	9:30	G201	Tự luận
89	21ĐHTĐ02	011100024401	55	56-110	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	9:30	G203	Trắc nghiệm
90	21ĐHQTO6	010100024402	55	56-109	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	9:30	G305	Trắc nghiệm
91	21ĐHQTO7	010100024403	55	56-109	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	9:30	G204	Trắc nghiệm
92	21ĐHTT01	010100024405	55	56-110	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	9:30	G205	Trắc nghiệm
93	21ĐHĐT02	011100040602	25	27-51	Phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	9:30	G302	Tự luận
94	20ĐHQTDL	010100080801	59		Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	12:30	G207	Tự luận
95	20ĐHQTC2	010100080803	61		Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	12:30	G407	Tự luận
96	QTKDCHK-K10	010100049701	2		Kỹ năng mềm II (xin việc, phỏng vấn)	7	03/12/2022	12:30	G501	Tự luận
97	20ĐHKTO1	010800052402	34		Lịch sử Đảng	7	03/12/2022	12:30	G406	Trắc nghiệm
98	21ĐHKTO1	010800024401	55	1-55	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	12:30	G205	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
99	21ĐHQT05	010100024401	55	1-54	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	12:30	G203	Trắc nghiệm
100	20ĐHQTC1	010100080802	31	1-31	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	12:30	G201	Tự luận
101	20ĐHQTTTH	010100080804	28	1-27	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	12:30	G302	Tự luận
102	20ĐHQTVT1	010100080805	24	1-24	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	12:30	G202	Tự luận
103	20ĐHQTVT2	010100080806	30	1-30	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	12:30	G301	Tự luận
104	20ĐHQTVT3	010100080807	30	1-29	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	12:30	G602	Tự luận
105	20ĐHKL01	010800052401	46	1-45	Lịch sử Đảng	7	03/12/2022	12:30	G305	Trắc nghiệm
106	20ĐHQTVT4	010100080808	20		Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	14:30	G603	Tự luận
107	21ĐHKT01	010800024401	55	56-109	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	14:30	G205	Trắc nghiệm
108	21ĐHQT05	010100024401	55	55-108	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	03/12/2022	14:30	G203	Trắc nghiệm
109	20ĐHQTC1	010100080802	31	32-62	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	14:30	G201	Tự luận
110	20ĐHQTTTH	010100080804	27	28-54	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	14:30	G302	Tự luận
111	20ĐHQTVT1	010100080805	24	25-48	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	14:30	G202	Tự luận
112	20ĐHQTVT2	010100080806	30	31-60	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	14:30	G301	Tự luận
113	20ĐHQTVT3	010100080807	30	30-58	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	7	03/12/2022	14:30	G602	Tự luận
114	20ĐHKL01	010800052401	45	46-90	Lịch sử Đảng	7	03/12/2022	14:30	G305	Trắc nghiệm
116	19ĐHĐT01	011100020001	43		Angten truyền sóng	2	05/12/2022	7:30	G304	Tự luận
117	19ĐHĐT02	011100020002	25		Angten truyền sóng	2	05/12/2022	7:30	G201	Tự luận
118	19ĐHKT01	010800054101	39		Các hệ thống trên tàu bay 1	2	05/12/2022	7:30	G305	Trắc nghiệm
119	21ĐHKL01	010800082001	52		Dẫn đường hàng không	2	05/12/2022	7:30	G207	Trắc nghiệm
120	19ĐHQTDL	010100021901	65		Kế toán dịch vụ du lịch	2	05/12/2022	7:30	G407	Trắc nghiệm
121	21CĐKL01	030100023601	38		Dịch vụ không lưu	2	05/12/2022	9:30	G207	Trắc nghiệm
122	20CĐAN01	030100003601	52		Dịch vụ không lưu	2	05/12/2022	9:30	E02	Trắc nghiệm
123	19ĐHQTTTH2	010100044701	22		Hành vi tổ chức	2	05/12/2022	9:30	G301	Tự luận
124	19ĐHQTTTH1	010100044702	58		Hành vi tổ chức	2	05/12/2022	9:30	G201	Tự luận
125	20CĐCK01	030100066801	44		Hệ thống cơ khí tàu bay 2	2	05/12/2022	9:30	G204	Trắc nghiệm
126	21ĐHĐT01	011100009301	50		Lý thuyết mạch 2	2	05/12/2022	9:30	G305	Tự luận
127	21ĐHĐT02	011100009302	60		Lý thuyết mạch 2	2	05/12/2022	9:30	G406	Tự luận
128	21ĐHNA01	010100132201	33		Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	2	05/12/2022	9:30	G503	Tự luận
129	21ĐHNA02	010100132202	34		Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	2	05/12/2022	9:30	G601	Tự luận
130	19ĐHQTVT2	010100013001	33		Anh văn chuyên ngành II	2	05/12/2022	12:30	G201	Trắc nghiệm
131	21ĐHKT01	010800062001	55		Cơ học thủy khí	2	05/12/2022	12:30	G113	Tự luận
132	20ĐHQTDL	010100021001	53		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	05/12/2022	12:30	G406	Tự luận
133	21ĐHĐT01	011100010101	47		Điện tử số	2	05/12/2022	12:30	G304	Tự luận
134	21ĐHĐT02	011100010102	49		Điện tử số	2	05/12/2022	12:30	G205	Tự luận

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
135	21ĐHKL01	010800081101	53		Động cơ tàu bay	2	05/12/2022	12:30	G305	Trắc nghiệm
136	20CĐCK01	030100053701	51		Động cơ turbine khí	2	05/12/2022	12:30	G203	Trắc nghiệm
137	21CĐKL01	030100005601	38		Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)	2	05/12/2022	12:30	G307	Trắc nghiệm
138	20ĐHKL01	010800005601	49		Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)	2	05/12/2022	12:30	G204	Trắc nghiệm
139	21ĐHNA01	010100092104	8		Ngoại ngữ 2 - Pháp văn 2	2	05/12/2022	12:30	G202	Tự luận
140	20ĐHKL01	010800074301	49		Dịch vụ kiểm soát Tại sân	2	05/12/2022	14:30	G304	Trắc nghiệm
141	20CĐCK01	030100068401	47		Hệ thống điện tử tàu bay	2	05/12/2022	14:30	G203	Trắc nghiệm
142	21CĐAN01	030100024101	54		Khẩn nguy an ninh, đối phó sự cố ANHK	2	05/12/2022	14:30	D21	Thực hành
143	20ĐHĐT02	011100014701	26		Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	2	05/12/2022	14:30	G202	Tự luận
144	20ĐHĐT01	011100014702	58		Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	2	05/12/2022	14:30	G204	Tự luận
145	21ĐHTĐ01	011100088501	42		Máy điện	2	05/12/2022	14:30	G609	Trắc nghiệm
146	21ĐHTĐ02	011100088502	37		Máy điện	2	05/12/2022	14:30	G505	Trắc nghiệm
147	21ĐHNA01	010100092402	12	1-12	Nghe - Nói 3	2	05/12/2022	14:30	G302	Vấn đáp
148	21ĐHNA01	010100092402	12	13-24	Nghe - Nói 3	2	05/12/2022	14:30	G301	Vấn đáp
149	21ĐHNA01	010100092402	11	25-35	Nghe - Nói 3	2	05/12/2022	14:30	G307	Vấn đáp
150	21ĐHNA02	010100092401	10	1-10	Nghe - Nói 3	3	06/12/2022	14:30	G601	Vấn đáp
151	21ĐHNA02	010100092401	10	11-20	Nghe - Nói 3	3	06/12/2022	14:30	G603	Vấn đáp
152	21ĐHNA02	010100092401	9	21-29	Nghe - Nói 3	3	06/12/2022	14:30	G604	Vấn đáp
153	21ĐHNA02	010100092403	12	1-12	Nghe - Nói 3	4	07/12/2022	14:30	G302	Vấn đáp
154	21ĐHNA02	010100092403	12	13-24	Nghe - Nói 3	4	07/12/2022	14:30	G301	Vấn đáp
155	21ĐHNA02	010100092403	12	25-36	Nghe - Nói 3	4	07/12/2022	14:30	G307	Vấn đáp
156	21CĐTM03	030100064301	65		Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	2	05/12/2022	14:30	G406	Trắc nghiệm
157	21CĐTM02	030100064302	59		Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	2	05/12/2022	14:30	G305	Trắc nghiệm
158	21ĐHKL01	010800065901	53		Cơ học và tính năng tàu bay	3	06/12/2022	7:30	G113	Trắc nghiệm
159	21CĐKL01	030100065901	45		Cơ học và tính năng tàu bay	3	06/12/2022	7:30	G307	Trắc nghiệm
160	19ĐHKTO1	010800071801	38		Điện - điện tử tàu bay	3	06/12/2022	7:30	G303	Trắc nghiệm
161	21ĐHKTO1	010800069501	56		Kỹ thuật điện tử	3	06/12/2022	7:30	G205	Tự luận
162	20CĐTM02	030100069204	24		Làm thủ tục tại quầy hàng không	3	06/12/2022	7:30	D02	Tự luận
163	21ĐHTT02	010100084801	60		Lập trình hướng đối tượng	3	06/12/2022	7:30	G203	Trắc nghiệm
164	21ĐHTT01	010100084802	43		Lập trình hướng đối tượng	3	06/12/2022	7:30	G305	Trắc nghiệm
165	20ĐHQTC2	010100017108	41		Quản trị tài chính	3	06/12/2022	7:30	G308	Trắc nghiệm
166	20ĐHQTVT4	010100017104	58		Quản trị tài chính	3	06/12/2022	7:30	G207	Trắc nghiệm
167	20ĐHQTVT3	010100017105	60		Quản trị tài chính	3	06/12/2022	7:30	G406	Trắc nghiệm
168	21CĐAN01	030100066301	25	1-25	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	06/12/2022	7:30	G501	Trắc nghiệm
169	20ĐHQTC1	010100017107	30	1-30	Quản trị tài chính	3	06/12/2022	7:30	G601	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
170	20ĐHQTDL	010100017103	30	1-30	Quản trị tài chính	3	06/12/2022	7:30	G605	Trắc nghiệm
171	20ĐHKTO1	010800065001	77		Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử	3	06/12/2022	9:30	G205	Tự luận
172	20CĐTM01	030100069201	37		Làm thủ tục tại quầy hàng không	3	06/12/2022	9:30	D02	Tự luận
173	21ĐHNA01	010100093401	35		Lý thuyết dịch	3	06/12/2022	9:30	G301	Trắc nghiệm
174	21ĐHNA02	010100093402	35		Lý thuyết dịch	3	06/12/2022	9:30	G202	Trắc nghiệm
175	21ĐHNA02	010100093403	32		Lý thuyết dịch	3	06/12/2022	9:30	G201	Trắc nghiệm
176	20ĐHQTVT2	010100017106	60		Quản trị tài chính	3	06/12/2022	9:30	G303	Trắc nghiệm
177	20ĐHQTTTH	010100017101	60		Quản trị tài chính	3	06/12/2022	9:30	G203	Trắc nghiệm
178	20ĐHQTVT1	010100017102	37		Quản trị tài chính	3	06/12/2022	9:30	G302	Trắc nghiệm
179	21CĐCK01	030100102901	29		Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 2	3	06/12/2022	9:30	B301	Trắc nghiệm
180	21CĐAN01	030100066301	25	26-50	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	06/12/2022	9:30	G501	Trắc nghiệm
181	20ĐHQTC1	010100017107	30	31-60	Quản trị tài chính	3	06/12/2022	9:30	G601	Trắc nghiệm
182	20ĐHQTDL	010100017103	30	31-59	Quản trị tài chính	3	06/12/2022	9:30	G605	Trắc nghiệm
183	20CĐTM02	030100069202	45		Làm thủ tục tại quầy hàng không	3	06/12/2022	12:30	D02	Tự luận
184	21ĐHĐT02	011100009801	57		Mạch điện tử 2	3	06/12/2022	12:30	G304	Tự luận
185	19ĐHQTDL	010100022101	66		Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	3	06/12/2022	12:30	G113	Tự luận
186	21CĐAN01	030100024801	51		Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự	3	06/12/2022	12:30	G204	Trắc nghiệm
187	20ĐHKL01	010800002101	53	1-53	Tiếng Anh chuyên ngành 2-KL	3	06/12/2022	12:30	G207	Trắc nghiệm
188	21CĐKL01	030100099701	36		Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	06/12/2022	12:30	G307	Trắc nghiệm
189	21CĐKL01	030100002901	42		Khí tượng hàng không	3	06/12/2022	14:30	G406	Tự luận
190	21CĐAN01	030100132001	50		Kỹ năng giao tiếp và văn hóa an ninh hàng không	3	06/12/2022	14:30	G113	Tự luận
191	20CĐTM03	030100069203	23		Làm thủ tục tại quầy hàng không	3	06/12/2022	14:30	D02	Tự luận
192	21ĐHĐT01	011100009802	46		Mạch điện tử 2	3	06/12/2022	14:30	G304	Tự luận
193	21ĐHTT01	010100001701	60		Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	06/12/2022	16:30	G203	Trắc nghiệm
194	21ĐHTT02	010100001702	43		Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	06/12/2022	16:30	G204	Trắc nghiệm
195	21CĐTM01	030100068901	65		Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	3	06/12/2022	16:30	G113	Tự luận
196	21CĐTM02	030100068902	74		Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	3	06/12/2022	16:30	G205	Tự luận
197	20ĐHQTDL	010100011501	49		Quản trị chiến lược	3	06/12/2022	18:30	G203	Trắc nghiệm
198	20ĐHQTC2	010100011502	62		Quản trị chiến lược	3	06/12/2022	18:30	G205	Trắc nghiệm
199	20ĐHQTC1	010100011503	60		Quản trị chiến lược	3	06/12/2022	18:30	G204	Trắc nghiệm
200	20ĐHQTTTH	010100011504	60		Quản trị chiến lược	3	06/12/2022	18:30	G304	Trắc nghiệm
201	20ĐHQTVT2	010100011505	60		Quản trị chiến lược	3	06/12/2022	18:30	G305	Trắc nghiệm
202	20ĐHQTVT1	010100011506	60		Quản trị chiến lược	3	06/12/2022	18:30	G406	Trắc nghiệm
203	20ĐHQTVT3	010100011507	56		Quản trị chiến lược	3	06/12/2022	18:30	G207	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
204	20ĐHQTVT4	010100011508	32		Quản trị chiến lược	3	06/12/2022	18:30	G201	Trắc nghiệm
205	19ĐHKTO1	010800070901	42		Động cơ tua bin khí 1	4	07/12/2022	7:30	G608	Tự luận
206	19ĐHKL01	010800097001	40		Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay	4	07/12/2022	7:30	G507	Trắc nghiệm
207	20CĐKL01	030100064801	39		Sử dụng hệ thống giám sát trong công tác điều hành bay	4	07/12/2022	7:30	G207	Trắc nghiệm
208	19ĐHQTVT3	010100029601	59		Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	4	07/12/2022	7:30	G113	Tự luận
209	19ĐHQTVT1	010100029602	26		Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	4	07/12/2022	7:30	G202	Tự luận
210	19ĐHQTVT2	010100029603	43		Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	4	07/12/2022	7:30	G308	Tự luận
211	21ĐHQT04	010100000104	61		Tổng quan về Hàng không dân dụng	4	07/12/2022	7:30	G305	Trắc nghiệm
212	21ĐHNA01	010100000105	70		Tổng quan về Hàng không dân dụng	4	07/12/2022	7:30	G407	Trắc nghiệm
213	21ĐHQT06	010100000106	60		Tổng quan về Hàng không dân dụng	4	07/12/2022	7:30	G304	Trắc nghiệm
214	21ĐHQT08	010100000108	61		Tổng quan về Hàng không dân dụng	4	07/12/2022	7:30	G406	Trắc nghiệm
215	VatlyDC	010800000501	4		Vật lý đại cương	4	07/12/2022	7:30	G302	Tự luận
115	QTKDVTHK2-K10	010100098101	1		Chuyên đề Pháp luật Hàng không	4	07/12/2022	7:30	G302	Tự luận
216	21ĐHQT03	010100000103	44	1-44	Tổng quan về Hàng không dân dụng	4	07/12/2022	7:30	G203	Trắc nghiệm
217	21ĐHQT07	010100000107	42	1-42	Tổng quan về Hàng không dân dụng	4	07/12/2022	7:30	G204	Trắc nghiệm
218	21ĐHQT01	010100000101	60		Tổng quan về Hàng không dân dụng	4	07/12/2022	9:30	G113	Trắc nghiệm
219	21ĐHQT02	010100000102	59		Tổng quan về Hàng không dân dụng	4	07/12/2022	9:30	G207	Trắc nghiệm
220	21ĐHQT03	010100000103	43	45-87	Tổng quan về Hàng không dân dụng	4	07/12/2022	9:30	G203	Trắc nghiệm
221	21ĐHQT07	010100000107	42	43-84	Tổng quan về Hàng không dân dụng	4	07/12/2022	9:30	G204	Trắc nghiệm
222	19ĐHQTDL	010100021701	66		Quản trị hãng lữ hành	4	07/12/2022	12:30	G113	Tự luận
223	20ĐHKTO1	010800069301	37	1-36	Tiếng anh chuyên ngành I (KTHK)	4	07/12/2022	12:30	G204	Trắc nghiệm
224	21CĐAN01	030100061301	54		Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	4	07/12/2022	14:30	D21	Thực hành
225	20ĐHKTO1	010800069301	36	37-72	Tiếng anh chuyên ngành I (KTHK)	4	07/12/2022	14:30	G204	Trắc nghiệm
226	20ĐHĐT01	011100010003	49		Lý thuyết trường điện từ	4	07/12/2022	16:30	G307	Tự luận
227	20ĐHĐT02	011100010004	38		Lý thuyết trường điện từ	4	07/12/2022	16:30	G609	Tự luận
228	19ĐHĐT02	011100010001	45		Lý thuyết trường điện từ	4	07/12/2022	16:30	G608	Tự luận
229	21ĐHQT01	010100010601	60		Marketing căn bản	4	07/12/2022	16:30	G203	Trắc nghiệm
230	21ĐHQT02	010100010602	60		Marketing căn bản	4	07/12/2022	16:30	G304	Trắc nghiệm
231	21ĐHQT03	010100010603	60		Marketing căn bản	4	07/12/2022	16:30	G204	Trắc nghiệm
232	21ĐHQT04	010100010604	60		Marketing căn bản	4	07/12/2022	16:30	G205	Trắc nghiệm
233	21ĐHQT05	010100010605	60		Marketing căn bản	4	07/12/2022	16:30	G303	Trắc nghiệm
234	21ĐHQT06	010100010606	45		Marketing căn bản	4	07/12/2022	16:30	G406	Trắc nghiệm
235	21ĐHQT07	010100010607	26		Marketing căn bản	4	07/12/2022	16:30	G201	Trắc nghiệm
236	21ĐHQT08	010100010608	55		Marketing căn bản	4	07/12/2022	16:30	G305	Trắc nghiệm
237	21CĐTM03	030100031001	50		Tiếng Anh chuyên ngành 1-PVHK	4	07/12/2022	16:30	E01	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
238	21CĐTM01	030100031002	40		Tiếng Anh chuyên ngành 1-PVHK	4	07/12/2022	16:30	E03	Trắc nghiệm
239	21CĐTM03	030100031003	49		Tiếng Anh chuyên ngành 1-PVHK	4	07/12/2022	16:30	E02	Trắc nghiệm
240	20CĐKL01	030100067601	40		Dịch vụ kiểm soát đường dài	5	08/12/2022	7:30	G204	Trắc nghiệm
241	19ĐHKL01	010800067601	40		Dịch vụ kiểm soát đường dài	5	08/12/2022	7:30	G207	Trắc nghiệm
242	21ĐHQT01	010100055101	47		Nguyên lý thống kê kinh doanh	5	08/12/2022	7:30	G203	Trắc nghiệm
243	21ĐHQT02	010100055102	47		Nguyên lý thống kê kinh doanh	5	08/12/2022	7:30	G205	Trắc nghiệm
244	21ĐHQT03	010100055103	59		Nguyên lý thống kê kinh doanh	5	08/12/2022	7:30	G303	Trắc nghiệm
245	21ĐHQT04	010100055104	60		Nguyên lý thống kê kinh doanh	5	08/12/2022	7:30	G304	Trắc nghiệm
246	21ĐHQT05	010100055105	60		Nguyên lý thống kê kinh doanh	5	08/12/2022	7:30	G305	Trắc nghiệm
247	21ĐHQT06	010100055106	60		Nguyên lý thống kê kinh doanh	5	08/12/2022	7:30	G406	Trắc nghiệm
248	21ĐHQT07	010100055107	43		Nguyên lý thống kê kinh doanh	5	08/12/2022	7:30	G308	Trắc nghiệm
249	21ĐHQT08	010100055108	60		Nguyên lý thống kê kinh doanh	5	08/12/2022	7:30	G113	Trắc nghiệm
250	19ĐHĐT02	011100015302	55		Thông tin số	5	08/12/2022	7:30	G307	Tự luận
251	20ĐHĐT01	011100001203	28		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G202	Trắc nghiệm
252	20ĐHĐT02	011100001204	45		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G203	Trắc nghiệm
253	21ĐHQT03	010100001201	41		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G304	Trắc nghiệm
254	21ĐHQT02	010100001202	40		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G407	Trắc nghiệm
255	21ĐHQT05	010100001203	38		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G507	Trắc nghiệm
256	21ĐHQT07	010100001205	40		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G113	Trắc nghiệm
257	21ĐHQT06	010100001206	40		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G307	Trắc nghiệm
258	21ĐHQT08	010100001207	40		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G608	Trắc nghiệm
259	21ĐHQT01	010100001208	40		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G205	Trắc nghiệm
260	21ĐHQT01	010100001209	27		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G302	Trắc nghiệm
261	21ĐHQT03	010100001210	21		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G406	Trắc nghiệm
262	21ĐHQT02	010100001211	40		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G305	Trắc nghiệm
263	21ĐHKT01	010800001201	37		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G204	Trắc nghiệm
264	21ĐHKL01	010800001202	24		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G207	Trắc nghiệm
265	21ĐHKL01	010800001203	40		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G308	Trắc nghiệm
266	21ĐHTĐ02	011100001201	22		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G301	Trắc nghiệm
267	21ĐHTĐ01	011100001202	45		Tiếng Anh cơ bản 2	5	08/12/2022	9:30	G303	Trắc nghiệm
268	21CĐTM03	030100030001	76		Điện văn hành khách và hành lý	5	08/12/2022	12:30	G406	Tự luận
269	21CĐTM01	030100030002	65		Điện văn hành khách và hành lý	5	08/12/2022	12:30	G207	Tự luận
270	19ĐHQTDL	010100021501	65		Quản trị nhà hàng khách sạn	5	08/12/2022	12:30	G307	Tự luận
271	21ĐHTT02	010100008501	25		Tiếng Anh cơ bản 3	5	08/12/2022	12:30	G201	Trắc nghiệm
272	21ĐHTT01	010100008502	40		Tiếng Anh cơ bản 3	5	08/12/2022	12:30	G304	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
273	21ĐHTT02	010100008503	40		Tiếng Anh cơ bản 3	5	08/12/2022	12:30	G609	Trắc nghiệm
274	21ĐHNA02	010100092901	35		Đọc - Viết 3	5	08/12/2022	14:30	B005	Tự luận
275	21ĐHNA01	010100092902	39		Đọc - Viết 3	5	08/12/2022	14:30	B206	Tự luận
276	21ĐHNA01	010100092903	26		Đọc - Viết 3	5	08/12/2022	14:30	B301	Tự luận
277	20ĐHQTDL	010100036501	60		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTDL	5	08/12/2022	14:30	G304	Trắc nghiệm
278	20ĐHQTC2	010100070801	60		Thương mại điện tử	5	08/12/2022	16:30	G203	Tự luận
279	20ĐHQTDL	010100070802	61		Thương mại điện tử	5	08/12/2022	16:30	G205	Tự luận
280	20ĐHQTC1	010100070803	60		Thương mại điện tử	5	08/12/2022	16:30	G204	Tự luận
281	20ĐHQTVT2	010100070804	48		Thương mại điện tử	5	08/12/2022	16:30	G303	Tự luận
282	20ĐHQTVT3	010100070805	60		Thương mại điện tử	5	08/12/2022	16:30	G304	Tự luận
283	20ĐHQTVT4	010100070806	60		Thương mại điện tử	5	08/12/2022	16:30	G305	Tự luận
284	20ĐHQTVT1	010100070807	47		Thương mại điện tử	5	08/12/2022	16:30	G406	Tự luận
285	20ĐHQTTH	010100070808	25		Thương mại điện tử	5	08/12/2022	16:30	G201	Tự luận
286	20ĐHĐT01	011100041701	60		Nguyên lý truyền thông	6	09/12/2022	7:30	G113	Tự luận
287	19ĐHQTC2	010100018001	40		Quy hoạch Cảng HK	6	09/12/2022	7:30	G203	Trắc nghiệm
288	19ĐHQTC1	010100018002	58		Quy hoạch Cảng HK	6	09/12/2022	7:30	G204	Trắc nghiệm
289	20ĐHQTC1	010100012901	44		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTHK	7	10/12/2022	7:30	G203	Trắc nghiệm
290	20ĐHQTC2	010100012902	42		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTHK	7	10/12/2022	7:30	G204	Trắc nghiệm
291	20ĐHQTTH	010100012903	43		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTHK	7	10/12/2022	7:30	G205	Trắc nghiệm
292	20ĐHQTVT1	010100012904	42		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTHK	7	10/12/2022	7:30	G307	Trắc nghiệm
293	20ĐHQTVT2	010100012905	42		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTHK	7	10/12/2022	7:30	G308	Trắc nghiệm
294	20ĐHQTVT4	010100012906	42		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTHK	7	10/12/2022	7:30	G507	Trắc nghiệm
295	20ĐHQTVT3	010100012907	42		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTHK	7	10/12/2022	7:30	G304	Trắc nghiệm
296	20ĐHQTC1	010100012908	42		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTHK	7	10/12/2022	7:30	G608	Trắc nghiệm
297	20ĐHQTC2	010100012909	43		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTHK	7	10/12/2022	7:30	G305	Trắc nghiệm
298	19ĐHQTC1	010100011201	25		Quản trị dự án	7	10/12/2022	14:30	G201	Tự luận
299	19ĐHQTC2	010100011202	54		Quản trị dự án	7	10/12/2022	14:30	G203	Tự luận
300	19ĐHQTVT2	010100011203	58		Quản trị dự án	7	10/12/2022	14:30	G205	Tự luận
301	19ĐHQTVT3	010100011204	58		Quản trị dự án	7	10/12/2022	14:30	G207	Tự luận
302	19ĐHQTVT1	010100011205	60		Quản trị dự án	7	10/12/2022	14:30	G303	Tự luận
303	19ĐHQTTH2	010100011206	60		Quản trị dự án	7	10/12/2022	14:30	G305	Tự luận
304	21ĐHTĐ01	011100008701	60		Toán chuyên đề	7	10/12/2022	14:30	G113	Trắc nghiệm
305	21ĐHTĐ02	011100008702	60		Toán chuyên đề	7	10/12/2022	14:30	G406	Trắc nghiệm
306	22ĐHXD01	011100114401	25		Cơ lý thuyết	2	26/12/2022	7:30	G201	Tự luận
307	22CĐKL01	030100060101	26		Pháp luật hàng không	2	26/12/2022	7:30	G202	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
308	22CDAN01	030100060102	35		Pháp luật hàng không	2	26/12/2022	7:30	G307	Trắc nghiệm
309	22CĐCK01	030100061401	27		Toán kỹ thuật	2	26/12/2022	7:30	G301	Trắc nghiệm
310	22ĐHKL01	010800059901	58	1-58	Khí động lực học cơ bản	2	26/12/2022	7:30	G113	Trắc nghiệm
311	22CDAN01	030100061101	36		Tâm lý tội phạm	2	26/12/2022	9:30	G203	Tự luận
312	22ĐHXD01	010100034301	25		Vật lý	2	26/12/2022	9:30	G201	Tự luận
313	22ĐHKL01	010800059901	58	59-116	Khí động lực học cơ bản	2	26/12/2022	9:30	G113	Trắc nghiệm
314	22CĐTM01	030100022801	95	1-95	Pháp luật	2	26/12/2022	12:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
315	22CĐTM01	030100022801	94	96-189	Pháp luật	2	26/12/2022	14:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
316	22CĐTM01	030100060701	50		Nhận thức về an toàn vệ sinh lao động	3	27/12/2022	7:30	G113	Tự luận
317	22CĐTM02	030100060702	46		Nhận thức về an toàn vệ sinh lao động	3	27/12/2022	7:30	G207	Tự luận
318	22ĐHKTO1	010800000302	51		Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G204	Trắc nghiệm
319	22ĐHKTO2	010800000303	50		Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G303	Trắc nghiệm
320	22ĐHQT01	010100000304	53		Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G304	Trắc nghiệm
321	22ĐHQT02	010100000305	53		Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G407	Trắc nghiệm
322	22ĐHKVO1	010100000301	84	1-85	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
323	22ĐHKL01	010800000301	58	1-58	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G203	Trắc nghiệm
324	22ĐHNA01	010100000303	83	1-83	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G205	Trắc nghiệm
325	22ĐHQT03	010100000306	26	1-26	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G201	Trắc nghiệm
326	22ĐHQT05	010100000307	26	1-27	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G202	Trắc nghiệm
327	22ĐHQT04	010100000308	26	1-26	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G301	Trắc nghiệm
328	22ĐHQT06	010100000310	26	1-26	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G501	Trắc nghiệm
329	22ĐHQT07	010100000311	27	1-27	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G502	Trắc nghiệm
330	22ĐHNL01	010100000312	54	1-55	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G305	Trắc nghiệm
331	22ĐHDL01	010100000313	57	1-57	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	7:30	G406	Trắc nghiệm
332	22CĐCK01	030100061501	29		Vật lý kỹ thuật	3	27/12/2022	9:30	G113	Tự luận
333	22ĐHKVO1	010100000301	84	86-170	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	9:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
334	22ĐHKL01	010800000301	57	59-115	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	9:30	G203	Trắc nghiệm
335	22ĐHNA01	010100000303	83	84-166	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	9:30	G205	Trắc nghiệm
336	22ĐHQT03	010100000306	26	27-52	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	9:30	G201	Trắc nghiệm
337	22ĐHQT05	010100000307	26	28-53	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	9:30	G202	Trắc nghiệm
338	22ĐHQT04	010100000308	26	27-52	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	9:30	G301	Trắc nghiệm
339	22ĐHQT06	010100000310	26	27-52	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	9:30	G501	Trắc nghiệm
340	22ĐHQT07	010100000311	27	28-54	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	9:30	G502	Trắc nghiệm
341	22ĐHNL01	010100000312	54	56-109	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	9:30	G305	Trắc nghiệm
342	22ĐHDL01	010100000313	56	58-114	Pháp luật đại cương	3	27/12/2022	9:30	G406	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
343	22CĐCK01	030100059001	94		Giáo dục chính trị	4	28/12/2022	12:30	G113	Tự luận
344	22CĐCK01	030100059001	94		Giáo dục chính trị	4	28/12/2022	14:30	G113	Tự luận
345	22ĐHTĐ01	011100009201	56		An toàn điện	3	03/01/2023	7:30	G304	Trắc nghiệm
346	22ĐHTĐ02	011100009202	51		An toàn điện	3	03/01/2023	7:30	G204	Trắc nghiệm
347	22ĐHĐT01	011100009204	51		An toàn điện	3	03/01/2023	7:30	G303	Trắc nghiệm
348	22ĐHĐT02	011100009205	52		An toàn điện	3	03/01/2023	7:30	G205	Trắc nghiệm
349	22CĐCK01	030100060401	28		An toàn sân đỗ	3	03/01/2023	7:30	G202	Tự luận
350	22ĐHTT01	010100037301	55		Cơ sở dữ liệu	3	03/01/2023	7:30	G113	Trắc nghiệm
351	22ĐHTT02	010100037302	55		Cơ sở dữ liệu	3	03/01/2023	7:30	G207	Trắc nghiệm
352	22ĐHTT03	010100037303	55		Cơ sở dữ liệu	3	03/01/2023	7:30	G305	Trắc nghiệm
353	22ĐHTT04	010100037304	55		Cơ sở dữ liệu	3	03/01/2023	7:30	G406	Trắc nghiệm
354	22ĐHTT05	010100037305	50		Cơ sở dữ liệu	3	03/01/2023	7:30	G203	Trắc nghiệm
355	22ĐHTT06	010100037306	52		Cơ sở dữ liệu	3	03/01/2023	7:30	G407	Trắc nghiệm
356	22ĐHXD01	010100114601	25		Toán ứng dụng	3	03/01/2023	7:30	G201	Tự luận
357	22ĐHNA01	010100084201	40		Đọc - Viết 1	3	03/01/2023	9:30	G608	Tự luận
358	22ĐHNA02	010100084202	41		Đọc - Viết 1	3	03/01/2023	9:30	G307	Tự luận
359	22ĐHNA03	010100084203	42		Đọc - Viết 1	3	03/01/2023	9:30	G203	Tự luận
360	22ĐHNA03	010100084204	43		Đọc - Viết 1	3	03/01/2023	9:30	G204	Tự luận
361	22ĐHXD01	010100114501	25		Hình họa vẽ kỹ thuật F1	3	03/01/2023	9:30	G201	Tự luận
362	22ĐHKV02	010100010702	56		Nguyên lý kế toán	3	03/01/2023	9:30	G205	Tự luận
363	22ĐHKV01	010100010703	60		Nguyên lý kế toán	3	03/01/2023	9:30	G303	Tự luận
364	22ĐHKV03	010100010701	56		Nguyên lý kế toán	3	03/01/2023	9:30	G113	Tự luận
365	22ĐHXD01	011100114702	25		Hóa học ứng dụng	3	03/01/2023	12:30	G201	Tự luận
366	22ĐHQT07	010100058709	52		Quản trị học	3	03/01/2023	12:30	G303	Trắc nghiệm
367	22ĐHNL01	010100058701	56	1-56	Quản trị học	3	03/01/2023	12:30	G113	Trắc nghiệm
368	22ĐHQT01	010100058703	53	1-53	Quản trị học	3	03/01/2023	12:30	G203	Trắc nghiệm
369	22ĐHQT03	010100058705	53	1-53	Quản trị học	3	03/01/2023	12:30	G204	Trắc nghiệm
370	22ĐHQT05	010100058707	52	1-53	Quản trị học	3	03/01/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
371	22ĐHDL01	010100058711	57	1-57	Quản trị học	3	03/01/2023	12:30	G207	Trắc nghiệm
372	22ĐHKL01	010800003001	58		Sân bay	3	03/01/2023	14:30	G303	Trắc nghiệm
373	22ĐHKL02	010800003002	57		Sân bay	3	03/01/2023	14:30	G304	Trắc nghiệm
374	22CĐKL01	030100063001	26		Sân bay	3	03/01/2023	14:30	G301	Trắc nghiệm
375	22ĐHNL01	010100058701	55	57-112	Quản trị học	3	03/01/2023	14:30	G113	Trắc nghiệm
376	22ĐHQT01	010100058703	52	54-105	Quản trị học	3	03/01/2023	14:30	G203	Trắc nghiệm
377	22ĐHQT03	010100058705	52	54-105	Quản trị học	3	03/01/2023	14:30	G204	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
378	22ĐHQT05	010100058707	52	54-105	Quản trị học	3	03/01/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
379	22ĐHDL01	010100058711	56	58-114	Quản trị học	3	03/01/2023	14:30	G207	Trắc nghiệm
380	22ĐHKV01	010100109101	57		Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	3	03/01/2023	16:30	G203	Tự luận
381	22ĐHKV02	010100109102	55		Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	3	03/01/2023	16:30	G204	Tự luận
382	22ĐHKV03	010100109103	55		Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	3	03/01/2023	16:30	G205	Tự luận
383	22CĐTM01	030100059701	40		Tiếng Anh	4	04/01/2023	7:30	G507	Trắc nghiệm
384	22CĐTM02	030100059702	34		Tiếng Anh	4	04/01/2023	7:30	G307	Trắc nghiệm
385	22CĐKL01	030100059704	27		Tiếng Anh	4	04/01/2023	7:30	G201	Trắc nghiệm
386	22CĐAN01	030100059705	37		Tiếng Anh	4	04/01/2023	7:30	G308	Trắc nghiệm
387	22CĐTM01	030100059708	30		Tiếng Anh	4	04/01/2023	7:30	G202	Trắc nghiệm
388	22ĐHNA03	010100084401	42		Luyện phát âm	4	04/01/2023	9:30	G203	Tự luận
389	22ĐHNA02	010100084402	41		Luyện phát âm	4	04/01/2023	9:30	G204	Tự luận
390	22ĐHNA01	010100084403	42		Luyện phát âm	4	04/01/2023	9:30	G608	Tự luận
391	22ĐHNA03	010100084404	42		Luyện phát âm	4	04/01/2023	9:30	G307	Tự luận
392	22ĐHTT01	010100052501	55		Nhập môn ngành CNTT	4	04/01/2023	9:30	G303	Trắc nghiệm
393	22ĐHTT02	010100052502	57		Nhập môn ngành CNTT	4	04/01/2023	9:30	G304	Trắc nghiệm
394	22ĐHTT03	010100052503	55		Nhập môn ngành CNTT	4	04/01/2023	9:30	G205	Trắc nghiệm
395	22ĐHTT04	010100052504	55		Nhập môn ngành CNTT	4	04/01/2023	9:30	G305	Trắc nghiệm
396	22ĐHTT05	010100052505	50		Nhập môn ngành CNTT	4	04/01/2023	9:30	G406	Trắc nghiệm
397	22ĐHTT06	010100052506	50		Nhập môn ngành CNTT	4	04/01/2023	9:30	G609	Trắc nghiệm
398	22ĐHDL01	010100010411	63		Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
399	22ĐHDL02	010100010412	58		Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	12:30	G303	Trắc nghiệm
400	22ĐHKV01	010100010413	58		Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	12:30	G304	Trắc nghiệm
401	22ĐHKV02	010100010414	65		Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	12:30	G407	Trắc nghiệm
402	22ĐHKV03	010100010415	61		Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	12:30	G406	Trắc nghiệm
403	22ĐHQT07	010100010409	56		Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	12:30	G207	Trắc nghiệm
404	22ĐHNL01	010100010401	55	1-56	Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	12:30	G113	Trắc nghiệm
405	22ĐHQT01	010100010403	53	1-53	Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	12:30	G203	Trắc nghiệm
406	22ĐHQT03	010100010405	53	1-53	Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	12:30	G204	Trắc nghiệm
407	22ĐHQT05	010100010407	55	1-56	Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
408	22ĐHKT01	010800064001	51		Kỹ thuật điện	4	04/01/2023	14:30	G207	Trắc nghiệm
409	22ĐHKT02	010800064002	50		Kỹ thuật điện	4	04/01/2023	14:30	G303	Trắc nghiệm
410	22ĐHĐT01	011100009101	52		Linh kiện điện tử	4	04/01/2023	14:30	G304	Trắc nghiệm
411	22ĐHĐT02	011100009102	53		Linh kiện điện tử	4	04/01/2023	14:30	G305	Trắc nghiệm
412	22ĐHTĐ01	011100009103	58		Linh kiện điện tử	4	04/01/2023	14:30	G406	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
413	22ĐHTĐ02	011100009104	52		Linh kiện điện tử	4	04/01/2023	14:30	G407	Trắc nghiệm
414	22ĐHNL01	010100010401	55	57-111	Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	14:30	G113	Trắc nghiệm
415	22ĐHQT01	010100010403	52	54-105	Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	14:30	G203	Trắc nghiệm
416	22ĐHQT03	010100010405	52	54-105	Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	14:30	G204	Trắc nghiệm
417	22ĐHQT05	010100010407	55	57-111	Kinh tế vi mô	4	04/01/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
418	22ĐHQT01	010100017701	55		Lý thuyết xác suất - thống kê	4	04/01/2023	16:30	G113	Trắc nghiệm
419	22ĐHQT02	010100017702	54		Lý thuyết xác suất - thống kê	4	04/01/2023	16:30	G203	Trắc nghiệm
420	22ĐHQT03	010100017703	59		Lý thuyết xác suất - thống kê	4	04/01/2023	16:30	G204	Trắc nghiệm
421	22ĐHQT04	010100017704	53		Lý thuyết xác suất - thống kê	4	04/01/2023	16:30	G303	Trắc nghiệm
422	22ĐHQT05	010100017705	71		Lý thuyết xác suất - thống kê	4	04/01/2023	16:30	G205	Trắc nghiệm
423	22ĐHQT06	010100017706	62		Lý thuyết xác suất - thống kê	4	04/01/2023	16:30	G305	Trắc nghiệm
424	22ĐHQT07	010100017707	56		Lý thuyết xác suất - thống kê	4	04/01/2023	16:30	G304	Trắc nghiệm
425	22ĐHDL01	010100017710	64		Lý thuyết xác suất - thống kê	4	04/01/2023	16:30	G207	Trắc nghiệm
426	22ĐHDL02	010100017711	56		Lý thuyết xác suất - thống kê	4	04/01/2023	16:30	G406	Trắc nghiệm
427	22ĐHQT01	010100074601	105	1-105	Triết học Mác Lênin	5	05/01/2023	7:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
428	22ĐHQT05	010100074602	80	1-80	Triết học Mác Lênin	5	05/01/2023	7:30	G113	Trắc nghiệm
429	22ĐHĐT01	011100074601	53	1-54	Triết học Mác Lênin	5	05/01/2023	7:30	G205	Trắc nghiệm
430	22ĐHTĐ01	011100074605	54	1-55	Triết học Mác Lênin	5	05/01/2023	7:30	G305	Trắc nghiệm
431	22ĐHNA01	010100084101	10	1-10	Nghe - Nói 1	5	05/01/2023	9:30	G608	Vấn đáp
432	22ĐHNA01	010100084101	10	11-20	Nghe - Nói 1	5	05/01/2023	9:30	G504	Vấn đáp
433	22ĐHNA01	010100084101	10	21-30	Nghe - Nói 1	5	05/01/2023	9:30	G604	Vấn đáp
434	22ĐHNA01	010100084101	12	31-42	Nghe - Nói 1	5	05/01/2023	9:30	G609	Vấn đáp
435	22ĐHNA02	010100084102	10	1-10	Nghe - Nói 1	6	06/01/2023	16:30	G601	Vấn đáp
436	22ĐHNA02	010100084102	10	11-20	Nghe - Nói 1	6	06/01/2023	16:30	G602	Vấn đáp
437	22ĐHNA02	010100084102	10	21-30	Nghe - Nói 1	6	06/01/2023	16:30	G603	Vấn đáp
438	22ĐHNA02	010100084102	11	31-41	Nghe - Nói 1	6	06/01/2023	16:30	G604	Vấn đáp
439	22ĐHNA03	010100084103	10	1-10	Nghe - Nói 1	7	07/01/2023	16:30	G602	Vấn đáp
440	22ĐHNA03	010100084103	10	11-20	Nghe - Nói 1	7	07/01/2023	16:30	G603	Vấn đáp
441	22ĐHNA03	010100084103	10	21-30	Nghe - Nói 1	7	07/01/2023	16:30	G604	Vấn đáp
442	22ĐHNA03	010100084103	12	31-42	Nghe - Nói 1	7	07/01/2023	16:30	G605	Vấn đáp
443	22ĐHNA03	010100084104	10	1-10	Nghe - Nói 1	CN	08/01/2023	7:30	G601	Vấn đáp
444	22ĐHNA03	010100084104	10	11-20	Nghe - Nói 1	CN	08/01/2023	7:30	G602	Vấn đáp
445	22ĐHNA03	010100084104	10	21-30	Nghe - Nói 1	CN	08/01/2023	7:30	G603	Vấn đáp
446	22ĐHNA03	010100084104	12	31-42	Nghe - Nói 1	CN	08/01/2023	7:30	G604	Vấn đáp
447	22ĐHQT01	010100074601	105	106-210	Triết học Mác Lênin	5	05/01/2023	9:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
448	22ĐHQT05	010100074602	79	81-160	Triết học Mác Lênin	5	05/01/2023	9:30	G113	Trắc nghiệm
449	22ĐHĐT01	011100074601	53	55-107	Triết học Mác Lênin	5	05/01/2023	9:30	G205	Trắc nghiệm
450	22ĐHTĐ01	011100074605	53	56-109	Triết học Mác Lênin	5	05/01/2023	9:30	G305	Trắc nghiệm
451	22ĐHNL01	010100124401	53		Lý thuyết xác suất thống kê	5	05/01/2023	12:30	G207	Trắc nghiệm
452	22ĐHNL02	010100124402	55		Lý thuyết xác suất thống kê	5	05/01/2023	12:30	G113	Trắc nghiệm
453	22ĐHTT03	010100000111	55	1-55	Tổng quan về Hàng không dân dụng	5	05/01/2023	12:30	G406	Trắc nghiệm
454	22ĐHTT05	010100000113	51	1-51	Tổng quan về Hàng không dân dụng	5	05/01/2023	12:30	G407	Trắc nghiệm
455	22ĐHKL01	011100054801	58	1;58	Tổng quan về HKDD	5	05/01/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
456	22ĐHĐT01	011100009001	52		Lý thuyết mạch 1	5	05/01/2023	14:30	G203	Trắc nghiệm
457	22ĐHĐT02	011100009002	56		Lý thuyết mạch 1	5	05/01/2023	14:30	G204	Trắc nghiệm
458	22ĐHTĐ01	011100009003	55		Lý thuyết mạch 1	5	05/01/2023	14:30	G303	Trắc nghiệm
459	22ĐHTĐ02	011100009004	51		Lý thuyết mạch 1	5	05/01/2023	14:30	G304	Trắc nghiệm
460	22ĐHTT01	010100000109	56		Tổng quan về Hàng không dân dụng	5	05/01/2023	14:30	G113	Trắc nghiệm
461	22ĐHTT02	010100000110	55		Tổng quan về Hàng không dân dụng	5	05/01/2023	14:30	G207	Trắc nghiệm
462	22ĐHTT03	010100000111	55	56-110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	5	05/01/2023	14:30	G406	Trắc nghiệm
463	22ĐHTT05	010100000113	50	52-101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	5	05/01/2023	14:30	G407	Trắc nghiệm
464	22ĐHKL01	011100054801	58	59-116	Tổng quan về HKDD	5	05/01/2023	14:30	G305	Trắc nghiệm
465	22CĐAN01	030100059401	59		Tin học	5	05/01/2023	Từ 7:30	D02	Thực hành
466	22CĐKL01	030100059402	29		Tin học	5	05/01/2023	12:30	D02	Thực hành
467	22CĐTM01	030100059403	55		Tin học	5	05/01/2023	Từ 16:30	D02	Thực hành
468	22ĐHNA03	010100084301	41		Ngữ pháp 1	6	06/01/2023	9:30	G203	Trắc nghiệm
469	22ĐHNA02	010100084302	41		Ngữ pháp 1	6	06/01/2023	9:30	G204	Trắc nghiệm
470	22ĐHNA01	010100084303	42		Ngữ pháp 1	6	06/01/2023	9:30	G205	Trắc nghiệm
471	22ĐHNA03	010100084304	42		Ngữ pháp 1	6	06/01/2023	9:30	G303	Trắc nghiệm
472	22ĐHTT01	010100051701	62		Toán cơ sở	6	06/01/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
473	22ĐHTT02	010100051702	56		Toán cơ sở	6	06/01/2023	12:30	G204	Trắc nghiệm
474	22ĐHTT03	010100051703	55		Toán cơ sở	6	06/01/2023	12:30	G303	Trắc nghiệm
475	22ĐHTT04	010100051704	55		Toán cơ sở	6	06/01/2023	12:30	G304	Trắc nghiệm
476	22ĐHTT05	010100051705	53		Toán cơ sở	6	06/01/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
477	22ĐHTT06	010100051706	52		Toán cơ sở	6	06/01/2023	12:30	G406	Trắc nghiệm
478	22ĐHKT01	010800051701	70		Toán cơ sở	6	06/01/2023	12:30	G113	Trắc nghiệm
479	22ĐHKT02	010800051702	59		Toán cơ sở	6	06/01/2023	12:30	G207	Trắc nghiệm
480	22ĐHĐT01	011100051701	53		Toán cơ sở	6	06/01/2023	14:30	G203	Trắc nghiệm
481	22ĐHĐT02	011100051702	53		Toán cơ sở	6	06/01/2023	14:30	G204	Trắc nghiệm
482	22ĐHTĐ01	011100051703	55		Toán cơ sở	6	06/01/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
483	22ĐHTĐ02	011100051704	51		Toán cơ sở	6	06/01/2023	14:30	G303	Trắc nghiệm
484	22CĐTM02	030100059404	48		Tin học	6	06/01/2023	Từ 7:30	D02	Thực hành
485	22ĐHTT01	010100074607	95	1-95	Triết học Mác Lênin	7	07/01/2023	12:30	G203	Trắc nghiệm
486	22ĐHKT01	010800074603	51	1-51	Triết học Mác Lênin	7	07/01/2023	12:30	G113	Trắc nghiệm
487	22ĐHNL01	010100074603	110	1-111	Triết học Mác Lênin	7	07/01/2023	12:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
488	22ĐHTT04	010100074605	106	1-106	Triết học Mác Lênin	7	07/01/2023	12:30	G406	Trắc nghiệm
489	22ĐHKV02	010100074606	114	1-114	Triết học Mác Lênin	7	07/01/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
490	22ĐHTT01	010100074607	95	96-190	Triết học Mác Lênin	7	07/01/2023	14:30	G203	Trắc nghiệm
491	22ĐHKT01	010800074603	50	52-102	Triết học Mác Lênin	7	07/01/2023	14:30	G113	Trắc nghiệm
492	22ĐHNL01	010100074603	110	112-222	Triết học Mác Lênin	7	07/01/2023	14:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
493	22ĐHTT04	010100074605	106	107-212	Triết học Mác Lênin	7	07/01/2023	14:30	G406	Trắc nghiệm
494	22ĐHKV02	010100074606	113	115-228	Triết học Mác Lênin	7	07/01/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
495	20CĐAN01	030100064501	52		Võ thuật		Theo lịch riêng			Thực hành
496	21CĐAN01	030100064502	48		Võ thuật 1		Theo lịch riêng			Thực hành
497	21CĐAN01	030100098901	48		Võ thuật 2		Theo lịch riêng			Thực hành
498	19ĐHQTC1	010100012001	57		Quản trị Logistics		Theo lịch riêng			Tiểu luận
499	19ĐHQTC2	010100012002	52		Quản trị Logistics		Theo lịch riêng			Tiểu luận
500	19ĐHQTTTH1	010100012003	31		Quản trị Logistics		Theo lịch riêng			Tiểu luận
501	19ĐHQTVT1	010100012004	56		Quản trị Logistics		Theo lịch riêng			Tiểu luận
502	19ĐHQTTTH2	010100012005	59		Quản trị Logistics		Theo lịch riêng			Tiểu luận
503	19ĐHQTVT3	010100012006	55		Quản trị Logistics		Theo lịch riêng			Tiểu luận
504	Chuyende_BHHK	010100103601	1		Chuyên đề Bảo hiểm hàng không		Theo lịch riêng			Tiểu luận
505	22ĐHKL01	010800004901	60		Nghiên cứu và thuyết trình		Theo lịch riêng			Tiểu luận
506	22ĐHKL02	010800004902	59		Nghiên cứu và thuyết trình		Theo lịch riêng			Tiểu luận
507	22ĐHKT01	010800004903	51		Nghiên cứu và thuyết trình		Theo lịch riêng			Tiểu luận
508	22ĐHKT02	010800004904	55		Nghiên cứu và thuyết trình		Theo lịch riêng			Tiểu luận
509	19ĐHKT01	010800054001	39		Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1		Theo lịch riêng			Thực hành
510	19ĐHKT01	010800054601	39		Chuyên đề 2- KTHK		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
511	20ĐHKT01	010800066401	71		Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
512	19ĐHKT01	010800069801	50		Tính năng tàu bay		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
513	18ĐHKT01	010800083401	32		Cơ học bay		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
514	21ĐHĐT02	011100014201	30		Thí nghiệm điện tử số		Theo lịch riêng			Thực hành
515	21ĐHĐT01	011100014202	30		Thí nghiệm điện tử số		Theo lịch riêng			Thực hành
516	21ĐHĐT02	011100014203	30		Thí nghiệm điện tử số		Theo lịch riêng			Thực hành
517	21ĐHĐT01	011100014301	30		Thí nghiệm kỹ thuật điện tử		Theo lịch riêng			Thực hành

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
518	21ĐHĐT02	011100014302	30		Thí nghiệm kỹ thuật điện tử		Theo lịch riêng			Thực hành
519	21ĐHĐT01	011100014303	31		Thí nghiệm kỹ thuật điện tử		Theo lịch riêng			Thực hành
520	20ĐHĐT02	011100051301	25		Thực hành điện tử công suất		Theo lịch riêng			Thực hành
521	20ĐHĐT01	011100051302	25		Thực hành điện tử công suất		Theo lịch riêng			Thực hành
522	20ĐHĐT02	011100051304	24		Thực hành điện tử công suất		Theo lịch riêng			Thực hành
523	19ĐHĐT01	011100072301	43		Chuyên đề 1		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
524	19ĐHĐT02	011100072302	24		Chuyên đề 1		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
525	21ĐHTĐ02	011100103101	30		Thực hành khí cụ điện - Đo lường điện		Theo lịch riêng			Thực hành
526	21ĐHTĐ01	011100103102	30		Thực hành khí cụ điện - Đo lường điện		Theo lịch riêng			Thực hành
527	21ĐHTĐ01	011100103103	21		Thực hành khí cụ điện - Đo lường điện		Theo lịch riêng			Thực hành
528	21CĐĐV01	030100010101	11		Điện tử số		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
529	21CĐĐV01	030100014601	11		Điện tử công suất		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
530	20CĐĐV01	030100014801	15		Cơ sở điều khiển tự động		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
531	20CĐĐV01	030100016501	13		PLC		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
532	20CĐĐV01	030100027801	13		Thiết bị dẫn đường định hướng VOR		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
533	20CĐĐV01	030100028601	13		Hệ thống dẫn đường vệ tinh		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
534	20CĐĐV01	030100037401	13		Lập trình nhúng		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
535	21CĐĐV01	030100051301	11		Thực hành điện tử công suất		Theo lịch riêng			Thực hành
536	22CĐCK01	030100061701	28		Điện cơ bản		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
537	21CĐTM01	030100064201	60		Giấy tờ du lịch		Theo lịch riêng			Tiểu luận
538	21CĐTM02	030100064202	74		Giấy tờ du lịch		Theo lịch riêng			Tiểu luận
539	21CĐĐV01	030100067801	12		Kỹ thuật cảm biến		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
540	20CĐAN01	030100068601	51		Quản trị nguồn nhân lực an ninh		Theo lịch riêng			Tiểu luận
541	21CĐĐV01	030100091801	11		Thực hành điện tử số		Theo lịch riêng			Thực hành
542	21CĐĐV01	030100101801	13		Thực hành lập trình C/C++ nền tảng Arduino		Theo lịch riêng			Thực hành
543	21CĐĐV01	030100101901	11		Lập trình C/C++ nền tảng Arduino		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
544	21CĐĐV01	030100132101	25		Thiết kế mạch in trên máy tính		Theo lịch riêng			Bài tập lớn
545	20CĐKL01	030100136302	40		Chuyên đề dịch vụ kiểm soát đường dài		Theo lịch riêng			Tiểu luận
546	19ĐHQTC1	010100013801	18		Thực tập doanh nghiệp		Theo lịch riêng			Thực hành
547	22ĐHDL01	010100105301	58		Tour nhập môn ngành du lịch lữ hành		Theo lịch riêng			Tiểu luận
548	22ĐHDL02	010100105302	55		Tour nhập môn ngành du lịch lữ hành		Theo lịch riêng			Tiểu luận
549	19ĐHKL01	010800006701	41		Đồ án môn học 2		Theo lịch riêng			Tiểu luận
550	18ĐHKL01	010800017601	3		Đồ án tốt nghiệp		Theo lịch riêng			Tiểu luận
551	18ĐHKL01	010800020501	48		Thực tập và viết BCTT		Theo lịch riêng			Tiểu luận
552	20ĐHKL01	010800031901	51		Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân		Theo lịch riêng			Thực hành

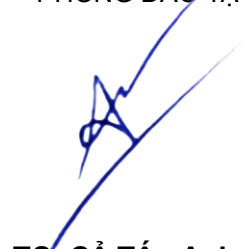
STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
553	20ĐHKT01	010800065101	41		Thực tập cơ bản KTHK		Theo lịch riêng			Thực hành
554	20ĐHKT01	010800065103	30		Thực tập cơ bản KTHK		Theo lịch riêng			Thực hành
555	18ĐHKT01	010800067101	52		Thực tập doanh nghiệp		Theo lịch riêng			Thực hành
556	20ĐHKT01	010800073301	67		Đồ án môn học		Theo lịch riêng			Tiểu luận
557	18ĐHKT01	010800074101	20		Đồ án tốt nghiệp KTHK		Theo lịch riêng			Tiểu luận
558	19ĐHĐT01	011100006701	42		Đồ án môn học 2		Theo lịch riêng			Tiểu luận
559	19ĐHĐT02	011100006702	24		Đồ án môn học 2		Theo lịch riêng			Tiểu luận
560	20CĐKL01	030100006801	37		Thực hành dịch vụ kiểm soát đường dài (không có hệ thống giám sát)		Theo lịch riêng			Thực hành
561	20CĐAN01	030100013801	61		Thực tập doanh nghiệp		Theo lịch riêng			Thực hành
562	20CĐCK01	030100035601	40		Thực tập doanh nghiệp		Theo lịch riêng			Thực hành
563	20CĐTM01	030100051401	62		Thực tập doanh nghiệp		Theo lịch riêng			Thực hành
564	20CĐTM02	030100051402	39		Thực tập doanh nghiệp		Theo lịch riêng			Thực hành
565	20CĐTM03	030100051403	38		Thực tập doanh nghiệp		Theo lịch riêng			Thực hành
566	20CĐCK01	030100066901	43		Thực hành bảo dưỡng tàu bay		Theo lịch riêng			Thực hành
567	20CĐKL01	030100101401	36		Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)		Theo lịch riêng			Thực hành
568	21CĐCK01	030100121301	26		Thực tập cơ bản KTHK		Theo lịch riêng			Thực hành
569	19ĐHQTC1	010100017901	56		Quản trị thương mại Cảng HK		Theo lịch riêng			Tiểu luận
570	19ĐHQTC2	010100017902	42		Quản trị thương mại Cảng HK		Theo lịch riêng			Tiểu luận
571	22CĐCK01	030100061801	28		Điện tử cơ bản		Theo lịch riêng			Tiểu luận
572	18ĐHKT01	010800050801	53		Hệ thống quản lý an toàn HK	3	Theo lịch riêng			Tiểu luận

Lập bảng



Ngô Thanh Tuấn

Tp. HCM, ngày 11 tháng 11 năm 2022
PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Cổ Tấn Anh Vũ